TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/ 2024 /DS-ST
Ngày: 11 - 6 - 2024 .
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thuỳ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST - DS ngày 06 tháng 03 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐST- DS ngày 02 tháng 5 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐ - HPT, ngày16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở: 266 -B N, Phường V, quận C, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ, theo Quyết định ủy quyền số 3254/2023/QĐ-PCL ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S. Ông H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu T - chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, theo giấy uỷ quyền ngày số 15.4F/2024/GUQ - CNĐN ngày15/04/2024. Địa chỉ: A A, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 27/5/2020, ông Nguyễn Minh P ký Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ số LD2014800209 với Ngân hàng TMCP S. Với số tiền vay 150.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9%/ năm. Thực hiện hợp đồng ông P đã nhận đủ số tiền vay, trong quá trình vay ông P đã thực hiện trả được một phần gốc và lãi là thôi không trả nữa mặc dù ngân hàng cũng đã có thông báo nhắc

nhở nhưng vẫn không hợp tác, hiện số nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Minh P hoàn trả số tiền gốc 42.750.000 đồng và lãi là 10.537.973 đồng (trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 20/10/2023 đến ngày 11/6/2024 là 9.825.000 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 20/10/2023 đến 11/6/2024 là 712.973 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là: 53.287.973 đồng .

Kể từ ngày 12/6/2024 yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

* Bị đơn ông Nguyễn Minh P vắng mặt nhưng có ý kiến tại hồ sơ thể hiện ông thừa nhận hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP S số tiền 150.000.000đ và đã trả một phần gốc và lãi phát sinh. Nay ngân hàng khởi kiện ông chấp nhận nhận tuy nhiên do khó khăn nên chưa trả được xin cho thời gian sắp xếp trả nợ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án:

Tại phiên Tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại Chương II, chương XIV của BLTTDS; Thư ký được phân công đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71BLTTDS. Bị đơn không tham gia phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ là thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 01 Điều 8, TT01/2019 ngày 11/01/2019.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Minh P

- Buộc ông Nguyễn Minh P phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ của hợp đồng số LD2014800209 ngày 27/5/2020 gồm: tiền nợ gốc 42.750.000 đồng và lãi 10.573.973đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 53.287.973 đồng.

Ông P còn phải tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

- Án phí dân sự sơ thẩm ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Minh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông Nguyễn Minh P (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông .

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 27/5/2020, ông Nguyễn Minh P ký Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ số LD2014800209 với Ngân hàng TMCP S. Với số tiền vay 150.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9%/ năm. Thực hiện hợp đồng ông P đã nhận đủ số tiền vay, trong quá trình vay ông P đã thực hiện trả được một phần gốc và lãi là thôi không trả nữa mặc dù ngân hàng cũng đã có thông báo nhắc nhở nhưng vẫn không hợp tác, hiện số nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Minh P hoàn trả số tiền gốc 42.750.000 đồng và lãi là 10.537.973 đồng (trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 20/10/2023 đến ngày 11/6/2024 là 9.825.000 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 20/10/2023 đến 11/6/2024 là 712.973 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là: 53.287.973 đồng .

Kể từ ngày 12/6/2024 yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số LD2014800209 ngày 27/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Minh P được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã không thực hiện việc trả nợ đúng hạn là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả ông P trả số tiền 53.287.973 đồng (Trong đó gốc 42.750.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/6/2024 là 10.573.973đồng) và yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng

cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. HĐXX thấy yêu cầu nêu trên của ngân hàng là phù hợp với Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Nguyễn Minh P phải chịu là 2.664.398đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.380.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001625 ngày 27 tháng 02 năm 2024.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 01 Điều 8, TT01/2019 ngày 11/01/2019.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Minh Phụng

Xử:

1/Tuyên buộc ông Nguyễn Minh P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 53.287.973 đồng (Trong đó gốc 42.750.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/6/2024 là 10.573.973đồng)

Kể từ ngày 12/6/2024 ông P còn phải tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh P phải chịu là 2.664.398đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.380.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001625 ngày 27 tháng 02 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

- **Nơi nhận**:
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh